CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tân Cảng - Phú Hữu

Ngày 30/09/2025	22,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.7%	**6.8%**	**4.4%**

DT thuần
Q3/25
86.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.60| -4.0%
YoY: ▼5.00| -5.5%

LN thuần
Q3/25
13.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.50| -10.3%
YoY: ▼1.40| -9.7%

LN sau thuế
Q3/25
10.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.20| -10.5%
YoY: ▼0.90| -8.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
16.4%
YoY: +/-▼ 1.1%

ROE (TTM)
Q3/25
18.2%
YoY: +/-▲ 0.1%

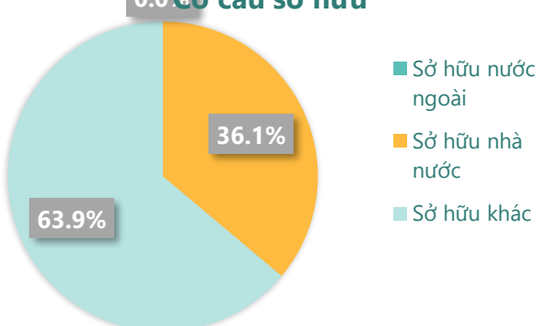
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	17,695 - 30,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	354
Số lượng CPLH (CP)	16,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	880
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.11
EPS	2,557
P/E	8.6

DT thuần
9T 2025
257
tỷ VNĐ
YoY: ▼12.0| -4.5%

LN thuần
9T 2025
40.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.00| 2.5%

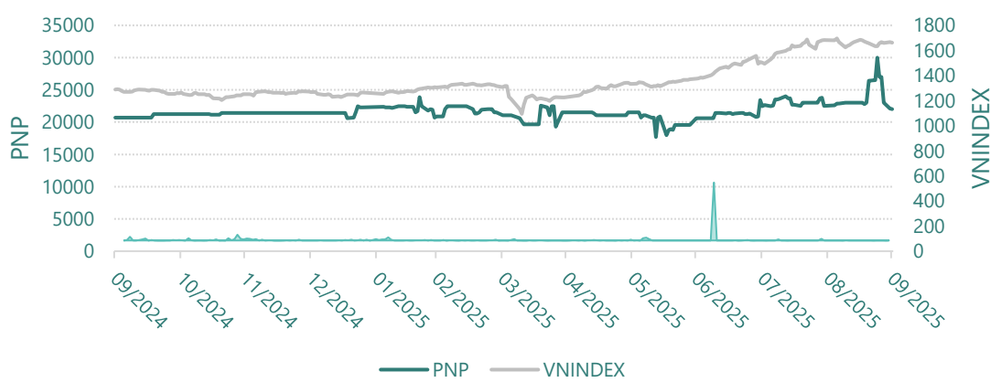
LN sau thuế
9T 2025
32.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.80| -5.3%

Cơ cấu sở hữu

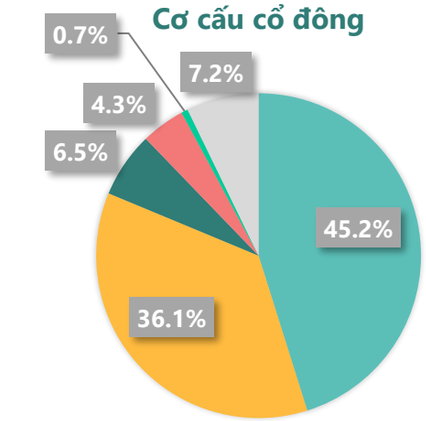


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

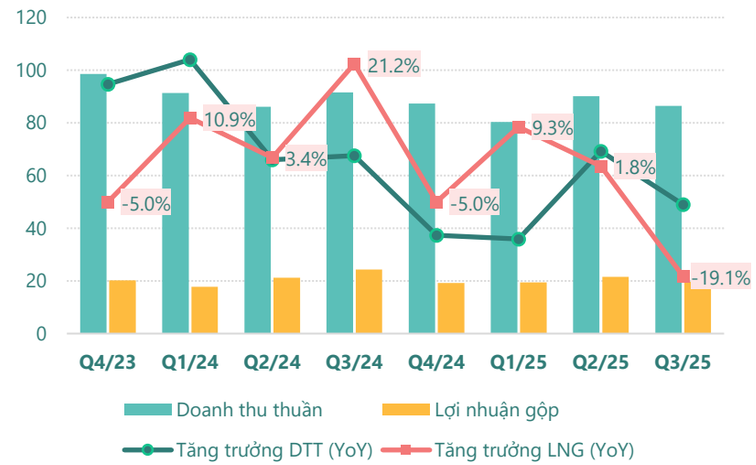


- Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
- Công ty TNHH Container Sài Gòn
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Gia Phúc Thịnh
- CTCP Hàng Hải Phú Hải
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

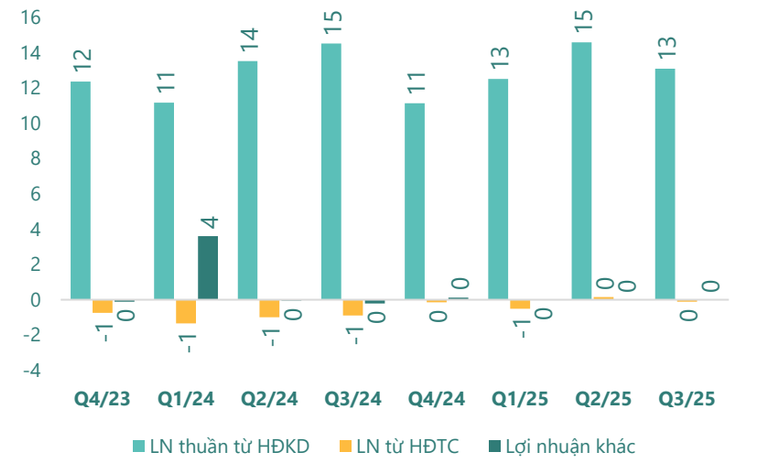
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



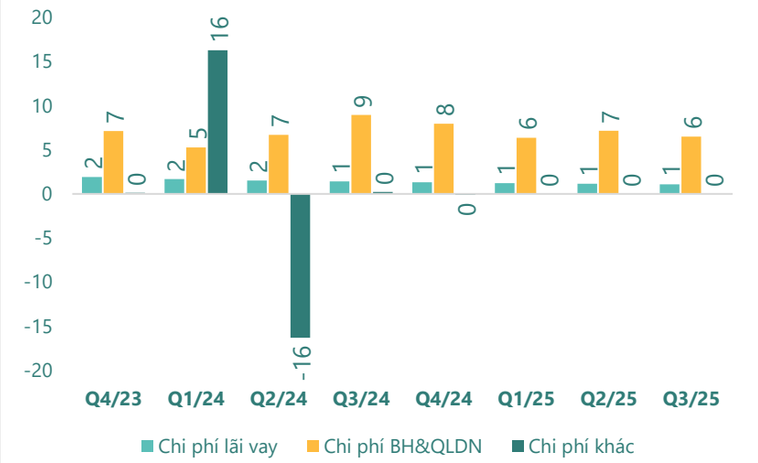
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



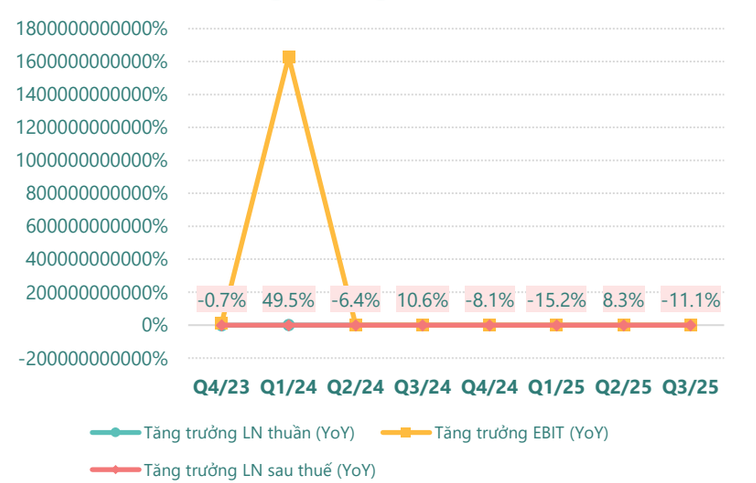
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



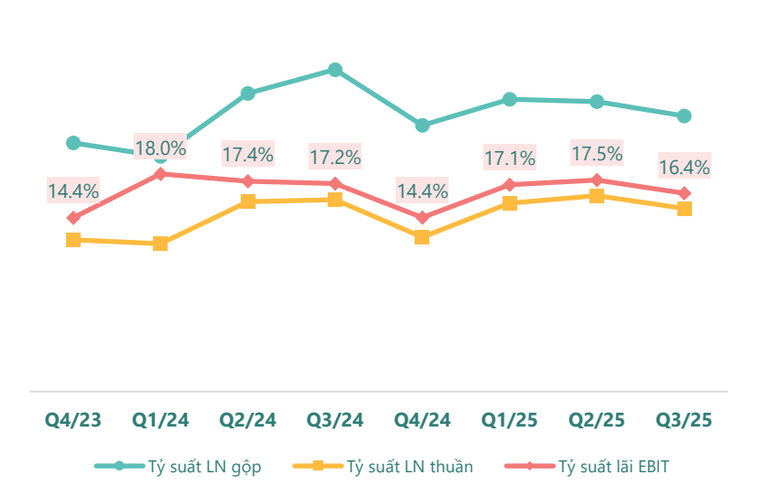
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



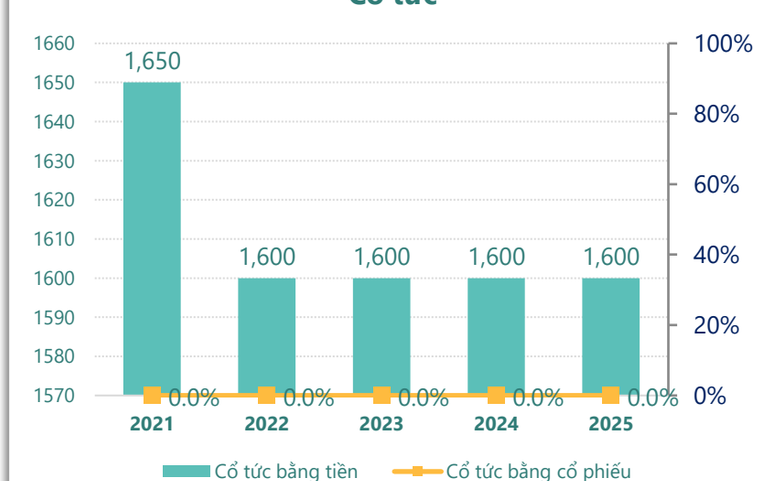
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

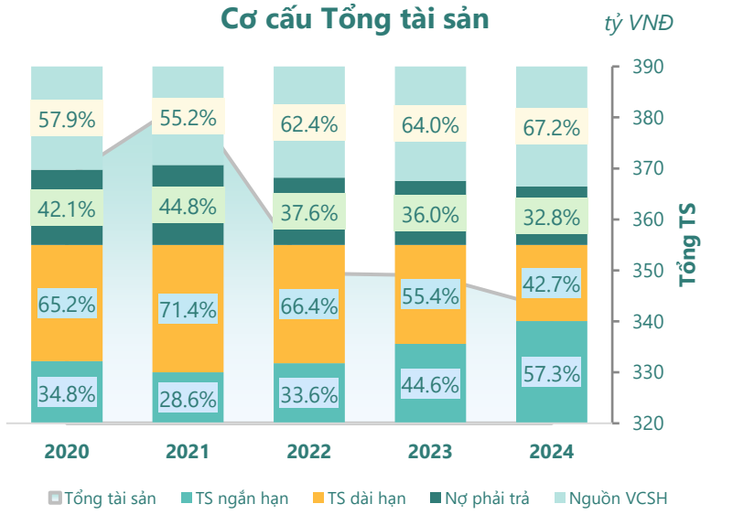
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

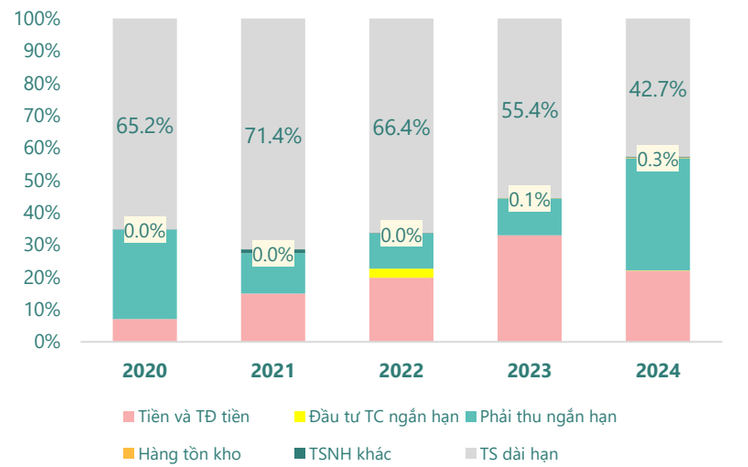
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



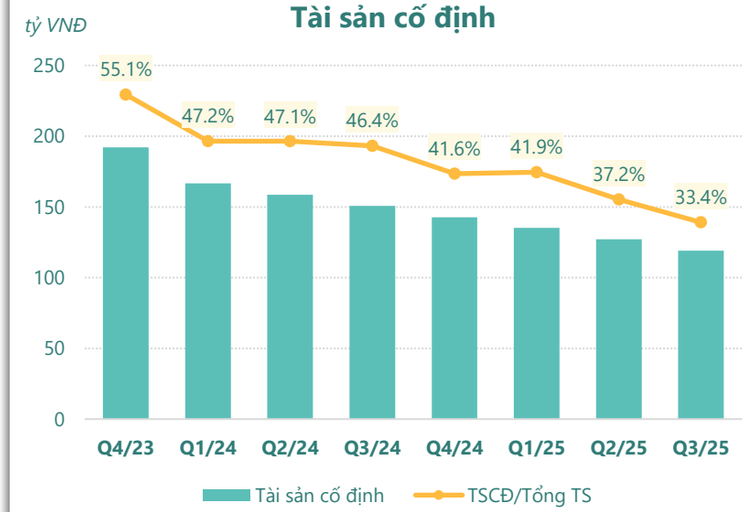
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



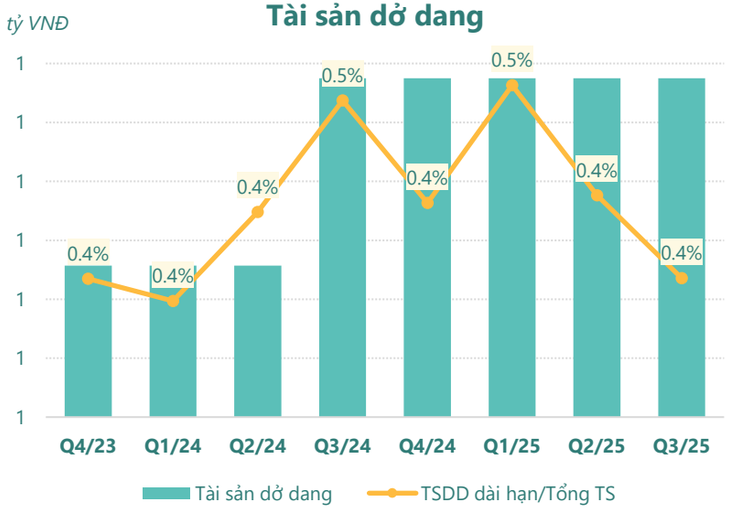
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



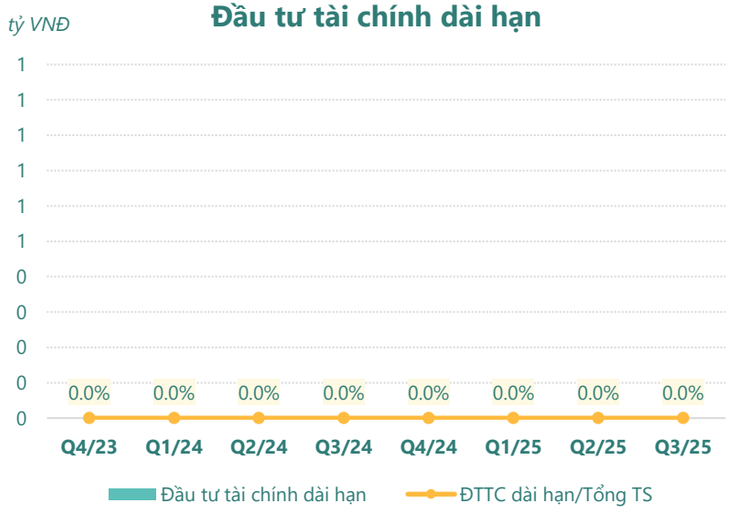
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



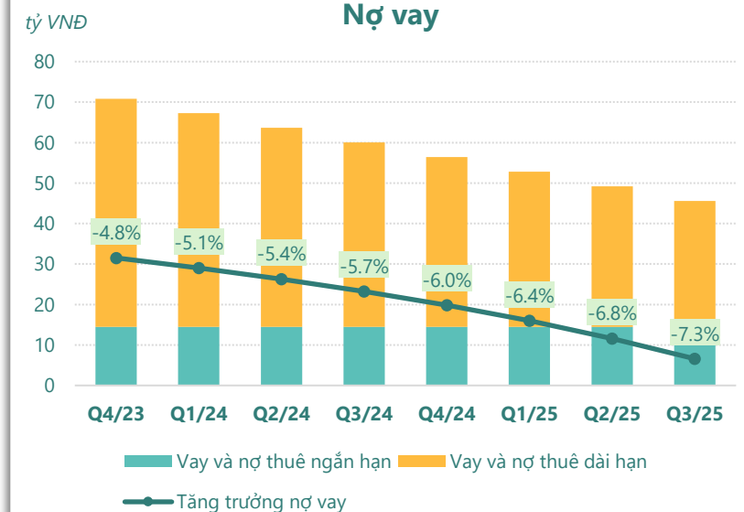
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

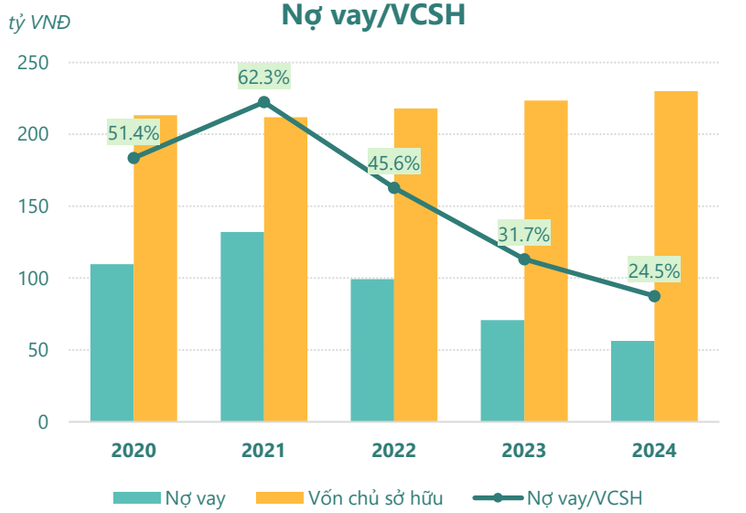
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

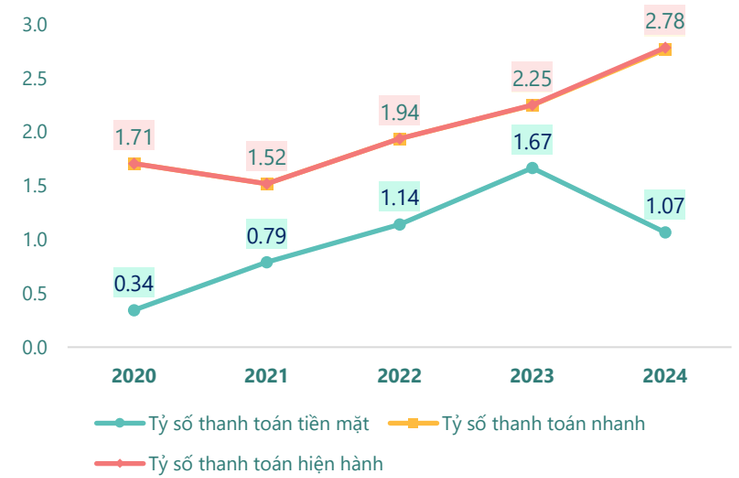
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



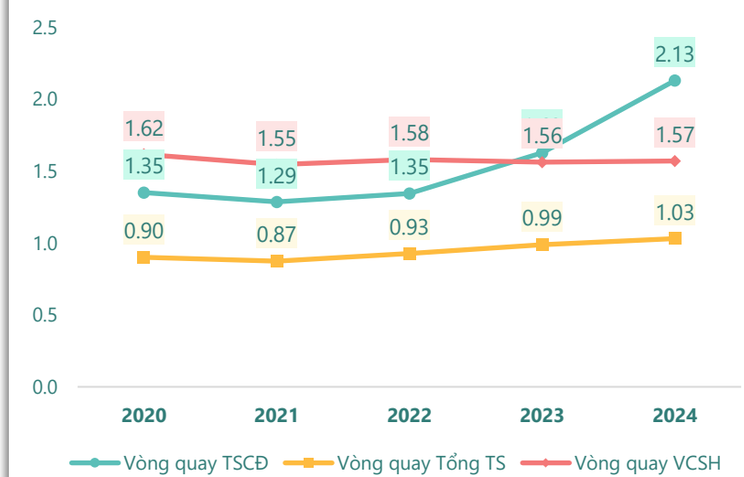
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



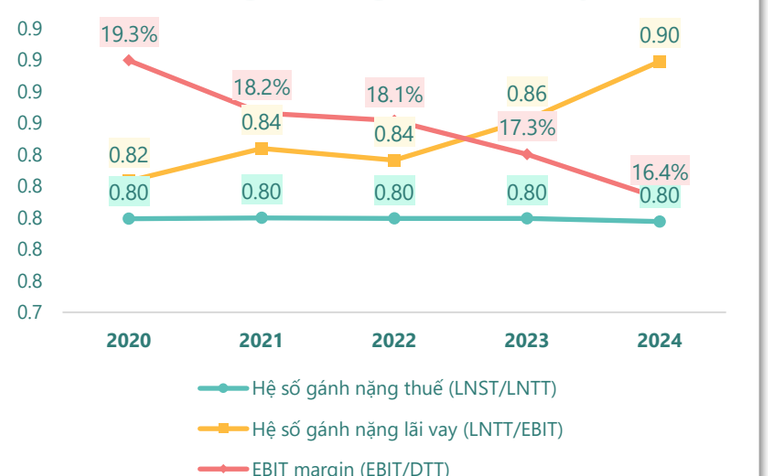
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



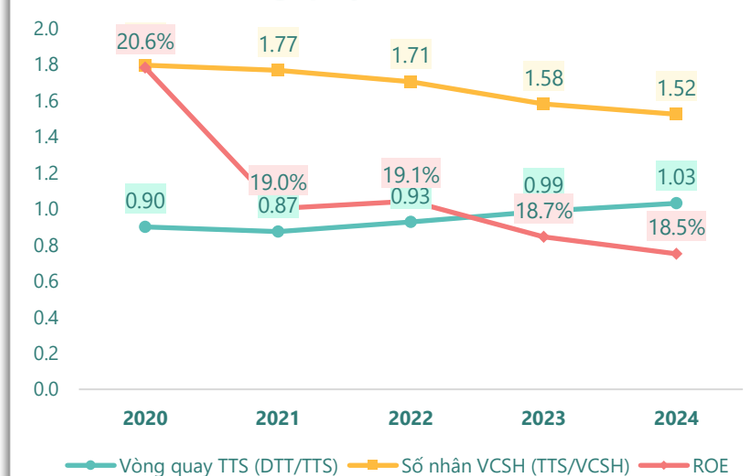
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



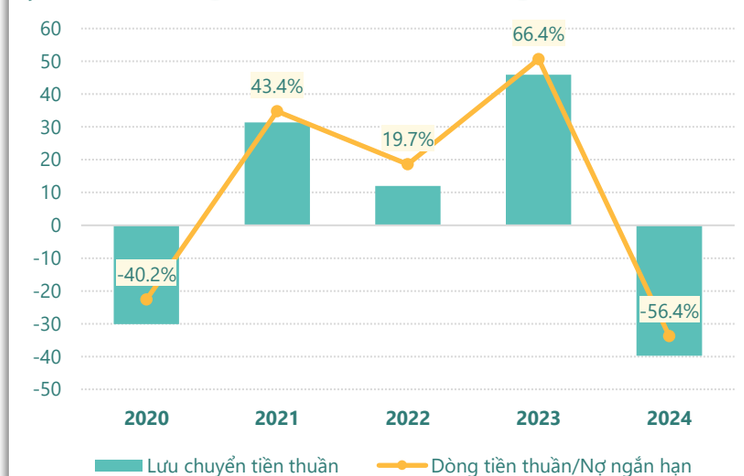
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**86.5**	**91.5**	**-5.5%**	**257**	**269**	**-4.5%**
Giá vốn hàng bán	66.8	67.2	-0.6%	196	206	-4.6%
Lợi nhuận gộp	19.7	24.4	-19.3%	60.7	63.4	-4.2%
Doanh thu HĐTC	0.97	0.52	86.3%	2.99	1.37	118%
Chi phí TC	1.08	1.41	-23.1%	3.47	4.59	-24.5%
Chi phí lãi vay	1.08	1.41	-23.1%	3.47	4.59	-24.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**6.49**	**8.95**	**-27.4%**	**20.0**	**20.9**	**-4.2%**
LN thuần từ HĐKD	13.1	14.5	-9.7%	40.2	39.2	2.5%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.20**	**100%**	**0.00**	**3.35**	**-100%**
LN trước thuế	13.1	14.3	-8.4%	40.2	42.6	-5.5%
Lợi nhuận sau thuế	**10.5**	**11.4**	**-8.1%**	**32.2**	**34.0**	**-5.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.5**	**11.4**	**-8.1%**	**32.2**	**34.0**	**-5.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.13	13.7	-18.0	51.2	7.74	20.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-10.0	4.74	10.0	-30.0	-10.0	30.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.61	-29.3	-3.61	-3.61	-3.61	-13.0
Tiền đầu kỳ	34.2	27.7	16.9	5.28	22.9	17.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-6.48**	**-10.8**	**-11.6**	**17.6**	**-5.87**	**37.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	27.7	16.9	5.28	22.9	17.0	54.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**357**	**343**	**4.1%**
Tài sản ngắn hạn	235	196	19.7%
Tiền và tương đương tiền	135	75.3	78.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.26	-100%
Phải thu ngắn hạn	98.3	119	-17.2%
Hàng tồn kho	0.76	1.14	-32.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.29	0.89	45.1%
Tài sản dài hạn	**122**	**146**	**-16.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	119	143	-16.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.47	1.47	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.19**	**2.08**	**-42.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	129	112	14.9%
Nợ ngắn hạn	**98.2**	**70.5**	**39.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14.4	14.4	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	38.3	36.1	6.0%
Nợ dài hạn	31.1	42.0	-25.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	31.1	42.0	-25.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**227**	**230**	**-1.1%**
Vốn chủ sở hữu	**227**	**230**	**-1.1%**
Vốn điều lệ	161	161	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)